

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2024

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Châu.
2. Ông Trần Văn Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trịnh Phước L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà với ông Trịnh Phước L tự nguyện đi đến hôn nhân được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 22/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà và ông L đã ly thân khoảng hai năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau

nữa, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Phước T, sinh ngày 24/5/2007 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 31/01/2012. Hai con đang sống chung với ông L và đang học ở huyện T, có cuộc sống ổn định nên khi ly hôn, bà đồng ý để ông L tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Phước L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2024 : Ông không đồng ý ly hôn với lý do cả hai đều có cái vã mâu thuẫn do giờ giấc bà H đi làm về không đúng giờ, còn chơi bời nhậu nhẹt nên ông có la bà H. Bà H đã bỏ đi cách nay hơn 2 năm. Ông không có lỗi.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

Phát phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H: Về hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông L. Về nuôi con chung: Ông L được tiếp tục nuôi hai con chung Trịnh Phước T, sinh ngày 24/5/2007 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 31/01/2012. Bà H cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Bích H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Phước L. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn ở ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Bích H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trịnh Phước L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H với ông Trịnh Phước L tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 22/3/2007. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Mẫu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Bà H đã bỏ đi hơn hai năm nay. Bà H với ông L mạnh ai người đó sống, không ai còn quan tâm đến ai. Bà H xin ly hôn. Ông L không đồng ý ly hôn và cho rằng còn thương vợ thương con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2024 ông L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có cãi vã nhau và bà H đã bỏ đi hơn hai năm nay. Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của cả hai không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông Trịnh Phước L với bà Nguyễn Thị Bích H có hai con chung tên Trịnh Phước T, sinh ngày 24/5/2007 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 31/01/2012. Hai con đang sống chung với ông L và đang học ở huyện T, có cuộc sống ổn định nên khi ly hôn, bà đồng ý để ông L tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024.

[2.3] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của bà H và ông L nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Trong vụ án này, bà H, ông L không yêu cầu giải quyết. Cho đến nay, ông L không có ý kiến về phần tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H về việc ly hôn đối với ông Trịnh Phước L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Trịnh Phước L.

2. Về nuôi con chung: Ông Trịnh Phước L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trịnh Phước T, sinh ngày 24/5/2007 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 31/01/2012. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008251, ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà H còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Ông Trịnh Phước L không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND Phường 12, Quận 6,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tor